

Bản án số: **13/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 02 - 6 - 2020.

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiều.

Bà Võ Thị Mai.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiều – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 631/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 14/2020/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Thị Cẩm G**, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04/11/2019, bản tự khai ngày 14/01/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm G trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị G và anh T cưới nhau vào năm 2014 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận vào năm 2015. Thời gian đầu có hạnh phúc nhưng tháng 9 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề tiền bạc, anh T không lo cho gia đình vợ con, đi làm về anh cũng về nhà cha mẹ anh ở chứ không qua thăm vợ con, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay.

Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Tố N, sinh ngày 20/9/2015, đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

- **Tại phiên Tòa:** chị G vẫn giữ yêu cầu khởi kiện không thay đổi gì.

* Đối với anh Nguyễn Thanh T là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh.

* *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh T. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Lê Tố N, sinh ngày 20/9/2015 cho chị G nuôi dưỡng. Ghi nhận chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh T cưới nhau vào năm 2014 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận vào năm 2015 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T được công nhận hợp pháp.

Nay chị G yêu cầu ly hôn, anh T vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của chị G đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế tiền bạc, không lo cho vợ con, mỗi người sống một nơi và đã ly thân từ tháng 9/2015 cho đến nay.

Qua đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa chị G và anh T đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị G là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung: Trong quá trình sống chung giữa chị G và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Lê Tố N, sinh ngày 20/9/2015. Khi ly hôn chị G yêu cầu nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu N, xét thấy từ trước đến nay cháu N đều sống với chị G, việc chị G nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, nên để nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh và chị, cần để cháu N cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng cũng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị G.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G nuôi con chung nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

[5]. Về tài sản chung: Chị G khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Về nợ chung: Chị G khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Cẩm G đối với anh Nguyễn Thanh T.

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Cẩm G và anh Nguyễn Thanh T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Cẩm G và anh Nguyễn Thanh T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Lê Tố N, sinh ngày 20/9/2015 cho chị Lê Thị Cẩm G trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện chị Lê Thị Cẩm G nuôi con chung không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Lê Thị Cẩm G trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị G khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị G khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Lê Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007914 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Lê Thị Cẩm G đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị Cẩm G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thới Thuận (Số 29, Quyển 01/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên